

BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 08-2019



TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Cách xác định thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu để tính thuế.**
- **Thuế GTGT đối với hoạt động tặng quà cho khách hàng.**
- **Chính sách thuế TNCN, TNDN đối với khoản tiền lương trả cho giám đốc Công ty TNHH MTV**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Nghị định số:38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.**
- **Nghị định số:39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.**
- **Nghị định số:44/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.**

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 8/2019

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính: Phiếu chi lưu vào hệ thống chứng từ kế toán tại cơ quan (không phát hành ra ngoài cơ quan) có cần đóng dấu không ạ?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định "Các đơn vị hành chính, sự nghiệp đều phải sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán thuộc loại bắt buộc quy định trong Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ thuộc loại bắt buộc". Tại phụ lục 01 kèm theo Thông tư 107 quy định về danh mục, mẫu và giải thích phương pháp lập các chứng từ kế toán bắt buộc. Mẫu Phiếu chi ban hành theo Thông tư 107 là chứng từ kế toán bắt buộc. Theo đó, phần hướng dẫn lập Phiếu chi ban hành kèm theo Thông tư 107 quy định như sau: "Đối với liên dùng để giao dịch thanh toán với bên ngoài thì phải đóng dấu của đơn vị". Vì vậy, đối với các liên chỉ lưu hành trong nội bộ đơn vị thì không nhất thiết phải đóng dấu.

Hỏi:

Kính gửi BTC: Theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC có nêu: " Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính từ thời gian tốt nghiệp ghi trên bằng đại học đến thời điểm đăng ký dự thi ". Năm 2019 tôi đang dự định tham dự kỳ thi kiểm toán viên năm 2019, bằng tốt nghiệp của tôi vào tháng 11/2016 thì nếu năm 2019 Bộ tài chính tổ chức kỳ thi kiểm toán viên cho năm 2019 mà trong văn bản có nêu đến thời điểm đăng ký dự thi là tháng 9/2019 (giống như năm 2018 được ghi trong văn bản là tháng 9/2018) nghĩa là tôi đang thiếu 1 tháng để thi kiểm toán viên nhưng thời gian công tác thực tế của tôi tại Công ty kiểm toán có thời gian hơn 36 tháng thì tôi có được tham gia kỳ thi kiểm toán viên năm 2019 hay không, nếu không thì có cách nào để tôi thi được không do tôi chỉ thiếu 1 tháng. Trân trọng.

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính về điều kiện dự thi: “3. Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính trong khoảng thời gian từ tháng tốt nghiệp ghi trên bằng tốt nghiệp đại học (hoặc sau đại học) đến thời điểm đăng ký dự thi. Thời gian công tác thực tế về kiểm toán bao gồm thời gian làm trợ lý kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán, thời gian làm kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị, thời gian làm kiểm toán tại cơ quan Kiểm toán Nhà nước”.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính: “1. Hội đồng thi tổ chức ít nhất mỗi năm một kỳ thi vào quý III hoặc quý IV. Trước ngày thi ít nhất 60 ngày, Hội đồng thi thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm và các thông tin cần thiết khác liên quan đến kỳ thi”.

Cũng theo quy định tại Điều 14 và Điều 16 Thông tư số 91/2017/TT-BTC, Hội đồng thi được thành lập cho từng kỳ thi. Hội đồng thi có có trách nhiệm xét duyệt danh sách dự thi. Do đó việc xem xét cụ thể 1 thí sinh có đủ điều kiện dự thi cho từng kỳ thi hay không do Hội đồng thi kỳ đó xem xét, quyết định.

Hiện nay Bộ Tài chính đang triển khai thành lập Hội đồng thi cho kỳ thi năm 2019. Đề nghị quý độc giả theo dõi để cập nhật thông tin về kế hoạch thi, đồng thời đối chiếu, xem xét mình có đủ điều kiện dự thi kỳ thi năm 2019 để có kế hoạch tham gia phù hợp./.

Hỏi:

Đơn vị tôi được cấp trên giao mua máy photocopy trị giá 50 triệu đồng. Đơn vị áp dụng chỉ định thầu rút gọn theo Khoản 2, Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC hướng dẫn gói thầu mua sắm tài sản, hàng hoá dịch vụ thuộc dự toán mua sắm thường xuyên có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng. Tôi xin hỏi, đơn vị áp dụng như vậy có đúng quy định không hay phải áp dụng phương thức chào hàng cạnh tranh tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư số 58/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính?



Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp:

- Khoản 3 Điều 3 quy định: “3. Đối với các gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện để áp dụng các hình thức mua sắm không phải đấu thầu; nếu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết phải tổ chức đấu thầu để bảo đảm mục tiêu quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách Nhà nước thì tổ chức thực hiện đấu thầu rộng rãi theo quy định và báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ”.

- Điều 15 quy định các trường hợp được áp dụng chỉ định thầu; trong đó bao gồm gói thầu quy định tại Khoản 2: “2. Gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc đề án hoặc dự toán mua sắm thường xuyên có giá gói thầu không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)”.

Theo quy định trên, gói thầu mua sắm tài sản có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng thuộc trường hợp được áp dụng hình thức chỉ định thầu; tuy nhiên nếu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết phải tổ chức đấu thầu để bảo đảm mục tiêu quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện đấu thầu rộng rãi theo quy định.

Hỏi:

Tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định việc xác định kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất không quá 10% kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích. Xin hỏi: Trong trường hợp kết thúc dự án mà không phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thì khoản kinh phí dự phòng này được sử dụng và quyết toán như thế nào?

Trả lời:

Việc quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất gửi cơ quan tài chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để phê duyệt quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Cơ quan tài chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phê duyệt quyết toán và có văn bản thông báo số quyết toán được duyệt cho chủ đầu tư hoặc Quỹ phát triển đất; văn bản thông báo này là chứng từ để thực hiện quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất của từng dự án, tiểu dự án.

- Phần chênh lệch giữa số chi theo quyết toán được duyệt và số kinh phí đã nhận của từng dự án, tiểu dự án đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được xử lý như sau:

+ Trường hợp số chi thực tế theo quyết toán được duyệt lớn hơn số kinh phí đã nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được thanh toán phần chênh lệch nhưng tối đa không quá mức được trích quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC.

+ Trường hợp số chi thực tế theo quyết toán được duyệt nhỏ hơn số kinh phí đã nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải chuyển trả cho chủ đầu tư (hoặc Quỹ phát triển đất nếu nhận kinh phí từ Quỹ phát triển đất) trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Như vậy, trường hợp kết thúc dự án mà không phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm chuyển trả cho chủ đầu tư (hoặc Quỹ phát triển đất nếu nhận kinh phí từ Quỹ phát triển đất) khoản kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất.



Hỏi:

Kính thưa Bộ Tài chính! Tôi ở phòng tài chính của sở nông nghiệp có chi mua vé máy bay cho đoàn công tác nước ngoài gồm 10 người đi Nhật Bản thì khi tiến hành hợp đồng có cần qua đấu thầu không? Vì theo thông tư 102 thì chỉ cần so sánh báo giá, nhưng kho bạc tỉnh lại yêu cầu đấu thầu. Tôi thấy bất cập, vì quyết định cử đi 2/4 mà thời gian đi đã là 14/4 thì với số tiền mua vé lên tới gần 300tr thì sao mà kịp đấu thầu được ạ? và trong hợp đồng dịch vụ xuất vé máy bay chỉ là hợp đồng đặt chỗ ngồi chứ không có số tiền thì có bắt buộc phải cho số tiền vào không ạ? Mong quý bộ giải đáp sớm giúp tôi ạ

Trả lời:

Việc mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên (trong đó có mua vé máy bay cho đoàn đi công tác nước ngoài) được thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Trường hợp đơn vị áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu đặc biệt thì thực hiện theo quy định tại Khoản 15 Điều 3 và Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của TTCP ngày 08/04/2019 về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu:

- Khoản 15 Điều 3 quy định danh mục có gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: “Mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác trong nước và quốc tế”.

- Khoản 3 Điều 4 quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu mua vé máy bay nêu tại khoản 15 Điều 3 Quyết định này được thực hiện theo quy trình như sau:

- a) Đối với đoàn đi công tác quốc tế

- Căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay cho ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau, trong đó có ít nhất 1 đại lý chính hãng của hãng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn

đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau: Đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay ở nước ngoài do nhu cầu công tác thì trưởng đoàn quyết định việc mua vé.

b) Đối với đoàn đi công tác trong nước

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Việc mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác trong nước và quốc tế không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Hỏi:

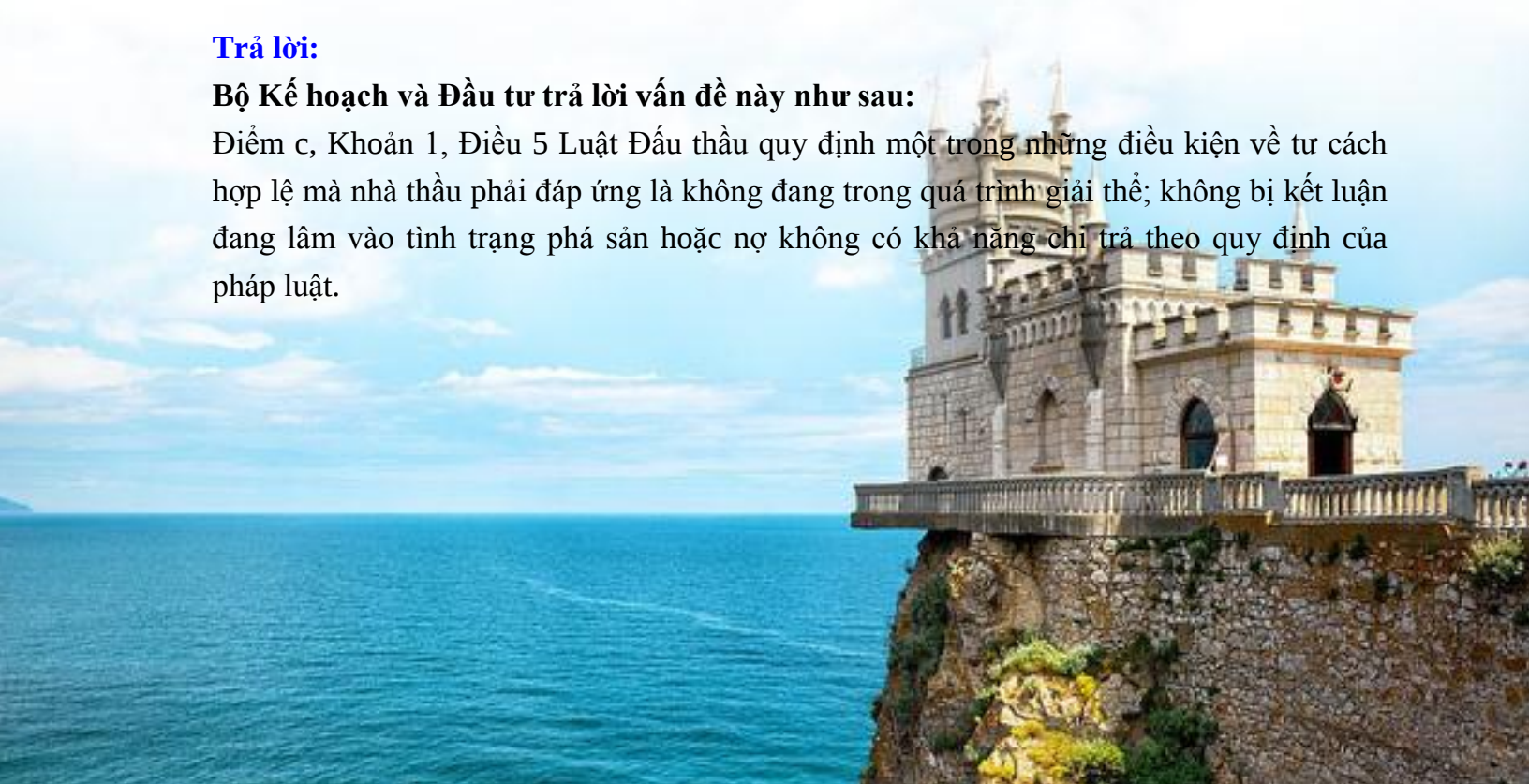
Cho tôi hỏi, đối với gói thầu tư vấn, tài liệu nào chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu là "không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật"? Vì báo cáo tài chính không thể hiện các nội dung trên.

Theo ý kiến của tôi, nếu xét theo quy định của Luật Phá sản 2014 thì doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán thì các chủ nợ có quyền yêu cầu doanh nghiệp phá sản. Tuy nhiên trong thực tế nhiều doanh nghiệp có nợ quá hạn trên 3 tháng nhưng vẫn đang hoạt động bình thường.

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu quy định một trong những điều kiện về tư cách hợp lệ mà nhà thầu phải đáp ứng là không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.



Theo hướng dẫn tại Mẫu số 01 Chương IV Mẫu HSMT mua sắm hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì một trong những nội dung nhà thầu phải cam kết và ghi trong đơn dự thầu là không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Đối với vấn đề của bà Loan, trường hợp trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu phát hiện nhà thầu đang trong quá trình giải thể; bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ theo quy định nêu trên.

Hỏi:

Khoản 4, Điều 15 Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hướng dẫn: "Trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin trong file đính kèm E-HSDT do nhà thầu nộp trên Hệ thống và các thông tin kê khai trong webform thì thông tin trong webform là cơ sở để đánh giá E-HSDT, trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này".

Khi đánh giá E-HSDT tôi gặp các tình huống sau đây:

- Thông tin về năng lực kinh nghiệm nhà thầu kê khai trong webform không đạt yêu cầu hồ sơ mời thầu nhưng các file tài liệu nộp kèm theo E-HSDT chứng minh đạt yêu cầu.

Trường hợp này có sự sai khác giữa thông tin trong file đính kèm E-HSDT do nhà thầu nộp trên Hệ thống và các thông tin kê khai trong webform nhưng theo quan điểm của tổ chuyên gia năng lực nhà thầu đã có tài liệu thể hiện đầy đủ nên tổ chuyên gia yêu cầu làm rõ E-HSDT mà không chấm theo webform. Nhà thầu phản hồi là do sai sót trong quá trình kê khai nộp E-HSDT qua mạng. Sau đó tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu.

- Thông tin về năng lực kinh nghiệm nhà thầu kê khai trong webform không đạt yêu cầu hồ sơ mời thầu nhưng có file kê khai năng lực kinh nghiệm khác lại đạt yêu cầu ngoài ra không có hồ sơ gì kèm theo E-HSDT để chứng minh năng lực kinh nghiệm. Trường hợp này tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin kê trên webform mà không làm rõ do không có tài liệu gì chứng minh.

Tôi xin hỏi, việc tổ chuyên gia không chỉ căn cứ vào thông tin kê khai trên webform mà còn căn cứ vào các tài liệu khác của E-HSDT để làm rõ và đánh giá có tuân thủ pháp luật về đấu thầu hay không?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Điều 15 Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin trong file đính kèm E-HSDT do nhà thầu nộp trên Hệ thống và các thông tin kê khai trong webform thì thông tin trong webform là cơ sở để đánh giá E-HSDT, trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này.

Đối với các nội dung về năng lực và kinh nghiệm, việc đánh giá E-HSDT được thực hiện trên cơ sở các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT mà không yêu cầu nhà thầu phải đính kèm file tài liệu chứng minh.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Khoản 4, Điều 89 Luật Đấu thầu và sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 3 năm đến 5 năm theo quy định tại Khoản 1, Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với câu hỏi của bà Dung, việc đánh giá E-HSDT được thực hiện theo quy định nêu trên.

Hỏi:

Công ty tôi dự kiến thay đổi hình thức thanh toán lương bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng bằng hình thức thanh toán qua ví điện tử. Tôi xin hỏi, hình thức thanh toán lương qua ví điện tử có được xem là khoản chi hợp lệ để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp không?

Trả lời:

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trả lời vấn đề này như sau:

Tại Điều 6, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) quy định:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng...”.

Căn cứ quy định nêu trên và theo trình bày của ông Trọng, trường hợp công ty của ông thanh toán lương cho người lao động qua ví điện tử thì công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu các khoản chi phí này đáp ứng các quy định tại Điều 6, Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

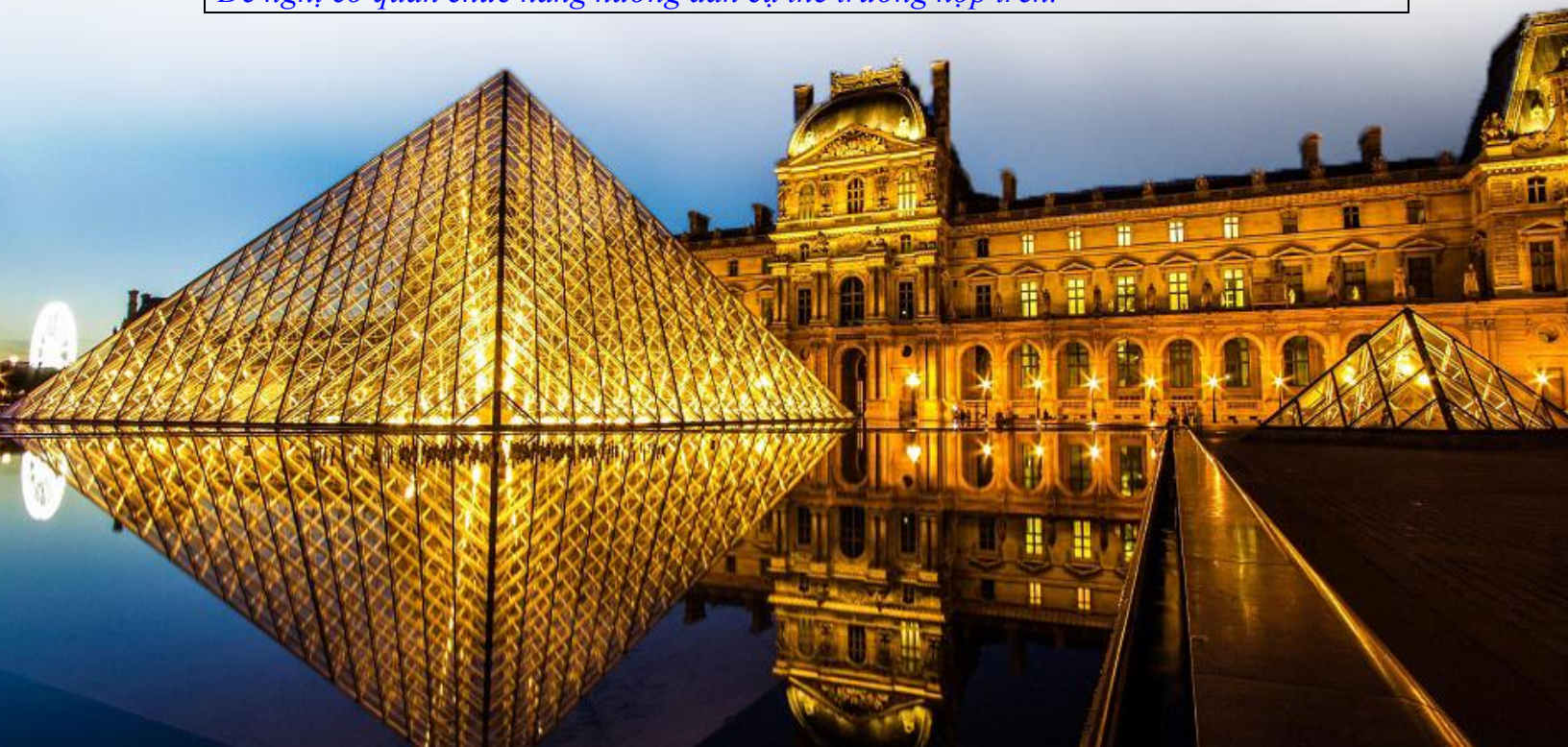
Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo người nộp thuế biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

Hỏi:

Cơ quan tôi trả lương theo hệ số Nhà nước, ngày công 22. Trong tháng có phát sinh người lao động được nghỉ chế độ dưỡng sức sau sinh 5 ngày, được hưởng chế độ ốm đau nên cơ quan không trả lương 5 ngày đó.

Lương thực lĩnh = $(2,34 \times 1.390.000đ) - 5 \text{ ngày nghỉ } (2,34 \times 1.390.000đ)/22 \times 5 - 10,5\% \text{ BHXH } (2,34 \times 1.390.000đ)$.

Tuy nhiên, người lao động yêu cầu tiền 5 ngày nghỉ bị trừ phải tính là $((2,34 \times 1.390.000đ) - 10,5\% \text{ BHXH}/22 \times 5)$ để thực lĩnh tăng lên với lý do đã đóng BHXH cả tháng, nếu trừ 5 ngày theo hệ số lương chưa trừ BHXH thì người lao động sẽ bị thiệt. Đề nghị cơ quan chức năng hướng dẫn cụ thể trường hợp trên.



Trả lời:

BHXXH TP. Hà Nội trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ Điều 41 Luật BHXH về dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản: Lao động nữ ngay sau thời gian hưởng chế độ thai sản trong khoảng thời gian 30 ngày đầu làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 5 ngày đến 10 ngày.

Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe quy định như sau:

Tối đa 10 ngày đối với lao động nữ sinh một lần từ hai con trở lên;

Tối đa 7 ngày đối với lao động nữ sinh con phải phẫu thuật;

Tối đa 5 ngày đối với các trường hợp khác.

Cách tính hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản như sau:

Số tiền nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe = 30% nhân với lương cơ sở nhân với số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

Hỏi:

Đơn vị tôi là bên mời thầu, có tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với một gói thầu xây lắp theo hình thức đấu thầu rộng rãi, phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ. Đến thời điểm mở thầu, có 2 nhà thầu tham dự thầu là công ty A và công ty B.

Tuy nhiên, công ty A và công ty B đều có chung một giám đốc là ông C và đều có trên 20% cổ phần thuộc sở hữu của ông C.

Cho tôi hỏi, trường hợp này, hai nhà thầu A và B có vi phạm quy định về “bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu” theo Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP cũng như các quy định khác về đấu thầu hay không?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 2, Điều 6 Luật Đấu thầu quy định nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

- Chủ đầu tư, bên mời thầu;
- Các nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó;
- Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

Tại Khoản 4, Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định nhà thầu được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu khác; với nhà thầu tư vấn; với chủ đầu tư, bên mời thầu quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 6 của Luật Đấu thầu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;
- Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau;
- Nhà thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế;
- Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Đối với vấn đề của ông Quân, nếu nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi thì không xét bảo đảm cạnh tranh giữa các nhà thầu, nhà thầu phải đáp ứng các quy định về bảo đảm cạnh tranh khác theo quy định nêu trên.

2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số:53570/CT-TTHT ngày 08/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc thuế suất thuế GTGT dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

Trả lời công văn không số của Công ty Cổ phần Hợp Nhất Quốc Tế (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 3 Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội quy định “Điều 3. Giải thích từ ngữ
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính).

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ bưu chính số 060 ngày 01/4/2018 được ký kết giữa Công ty CP Hợp nhất Quốc tế và Công ty CP Taiyo Việt Nam:

Căn cứ các quy định nêu trên và theo trình bày của đơn vị tại công văn hỏi, Cục thuế TP Hà Nội trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

- Trường hợp Công ty phát sinh dịch vụ bưu chính, chuyển phát theo chiều từ Việt Nam ra nước ngoài thì không áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

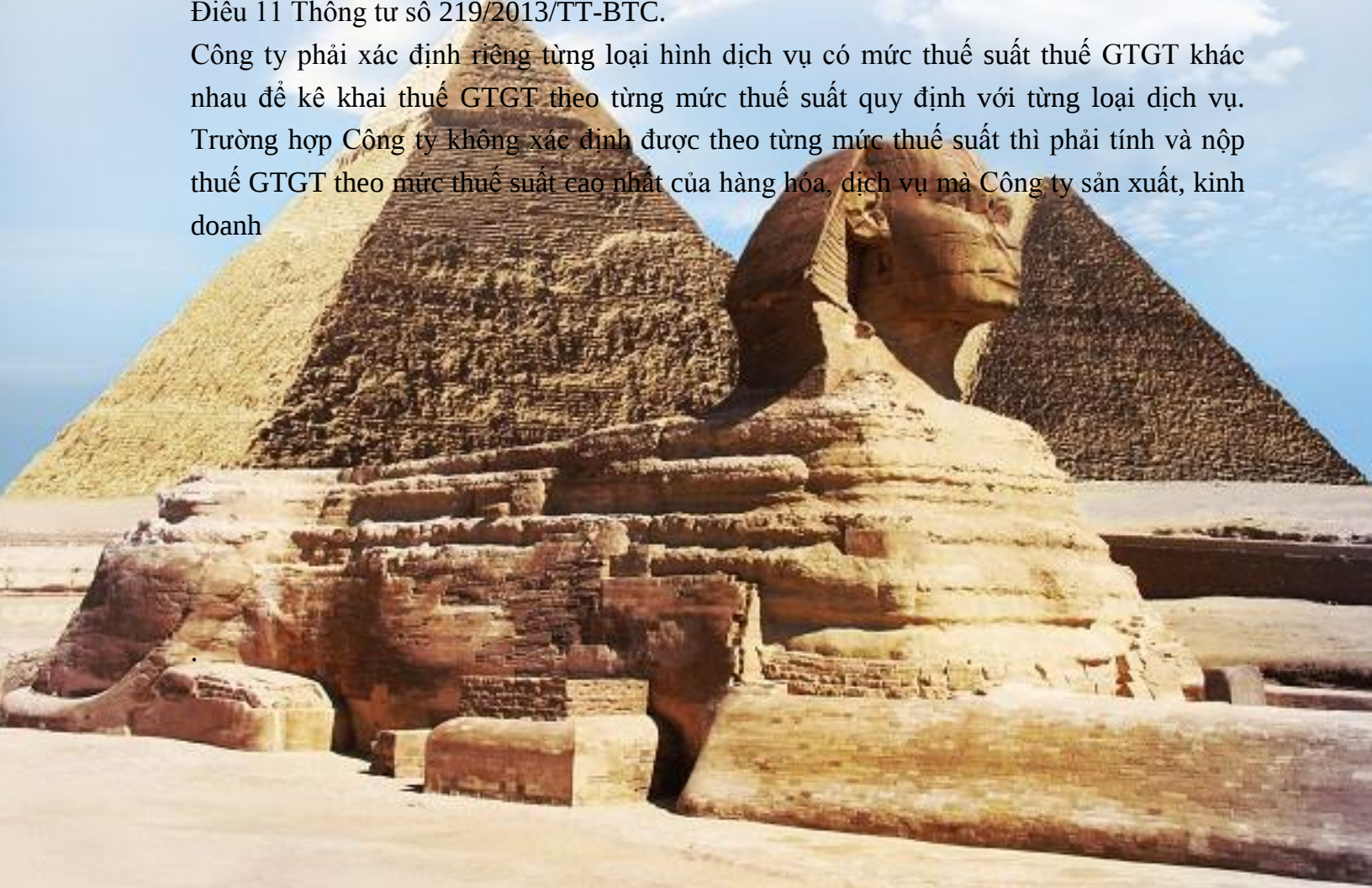
- Trường hợp Công ty phát sinh dịch vụ bưu chính, chuyển phát theo chiều từ nước ngoài vào Việt Nam thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

- Trường hợp Công ty phát sinh dịch vụ vận tải hàng hóa không thuộc dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật liên quan thì:

+ Đối với dịch vụ vận tải quốc tế theo quy định tại Tiết c Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

+ Đối với dịch vụ vận tải nội địa áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Công ty phải xác định riêng từng loại hình dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau để kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định với từng loại dịch vụ. Trường hợp Công ty không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế GTGT theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh



Công văn số 53932/CT-TTHT ngày 09/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế nhà thầu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 0106/2019/CV-SF ngày 10/6/2019 của Công ty TNHH S - From Việt Nam hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau: trường hợp Công ty S - From Hàn Quốc (Công ty mẹ có trụ sở tại Hàn Quốc) có phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ việc cung cấp dịch vụ cho thuê cốp pha nhôm, thì Công ty S - From Hàn Quốc thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 103/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Trường hợp Công ty S - From Hàn Quốc không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty TNHH S - From Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ số thuế nhà thầu trước khi thanh toán thuê cốp pha nhôm cho Công ty S - From Hàn, cụ thể: thuế GTGT áp dụng tỷ lệ 5% thuế TNDN áp dụng tỷ lệ 5%. Việc xác định doanh thu tính thuế GTGT, doanh thu tính thuế TNDN, đề nghị Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2013/TT-BTC nêu trên.

Công ty TNHH S -From Việt Nam được khấu trừ số thuế GTGT nộp hộ nhà thầu nước ngoài - Công ty S - From Hàn Quốc nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC; Điều 14, Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công văn số:54761/CT-TTHT ngày 12/07/2019 của Cục thuế Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn không số ngày 02/7/2019 của Công ty TNHH Taiyu Việt Nam về việc đề nghị được sử dụng hóa đơn điện tử khi đang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ về hiệu lực thi hành.

- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Công ty TNHH Taiyu Việt Nam đã sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế từ tháng 01/2018 (đến nay hết thời hạn 12 tháng). Trường hợp Công ty TNHH Taiyu Việt Nam đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Taiyu Việt Nam thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính. Công ty TNHH Taiyu Việt Nam phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC nêu trên. Công ty TNHH Taiyu Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc khởi tạo, lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

Công văn số:55952/CT-TTHT ngày 17/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế khi góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê để thành lập doanh nghiệp.

Ngày 08/7/2019, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn bổ sung tài liệu số 19/2019/TV-CV đề ngày 04/7/2019 của Công ty cổ phần tư vấn và dịch vụ thương mại (sau đây gọi tắt là Công ty) bổ sung thông tin, tài liệu cho công văn số 16/2019/CV-DVTM đề ngày 24/06/2019 hỏi chính sách thuế khi góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê để thành lập doanh nghiệp, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau: Trường hợp Công ty theo trình bày thực hiện góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê đã có đăng ký quyền sở hữu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thành lập doanh nghiệp nếu đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật thì:

- Về thuế GTGT: Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.
- Về lệ phí trước bạ: Tài sản góp vốn của công ty nếu đã nộp lệ phí trước bạ, sau đó công ty đem tài sản này góp vốn vào doanh nghiệp khác, khi doanh nghiệp khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật thì thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí

trước bạ theo quy định tại Điểm a Khoản 17 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

- Về thuế TNDN: Trường hợp Công ty có phát sinh chênh lệch do đánh giá lại tài sản để góp vốn thì hạch toán khoản chênh lệch này vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

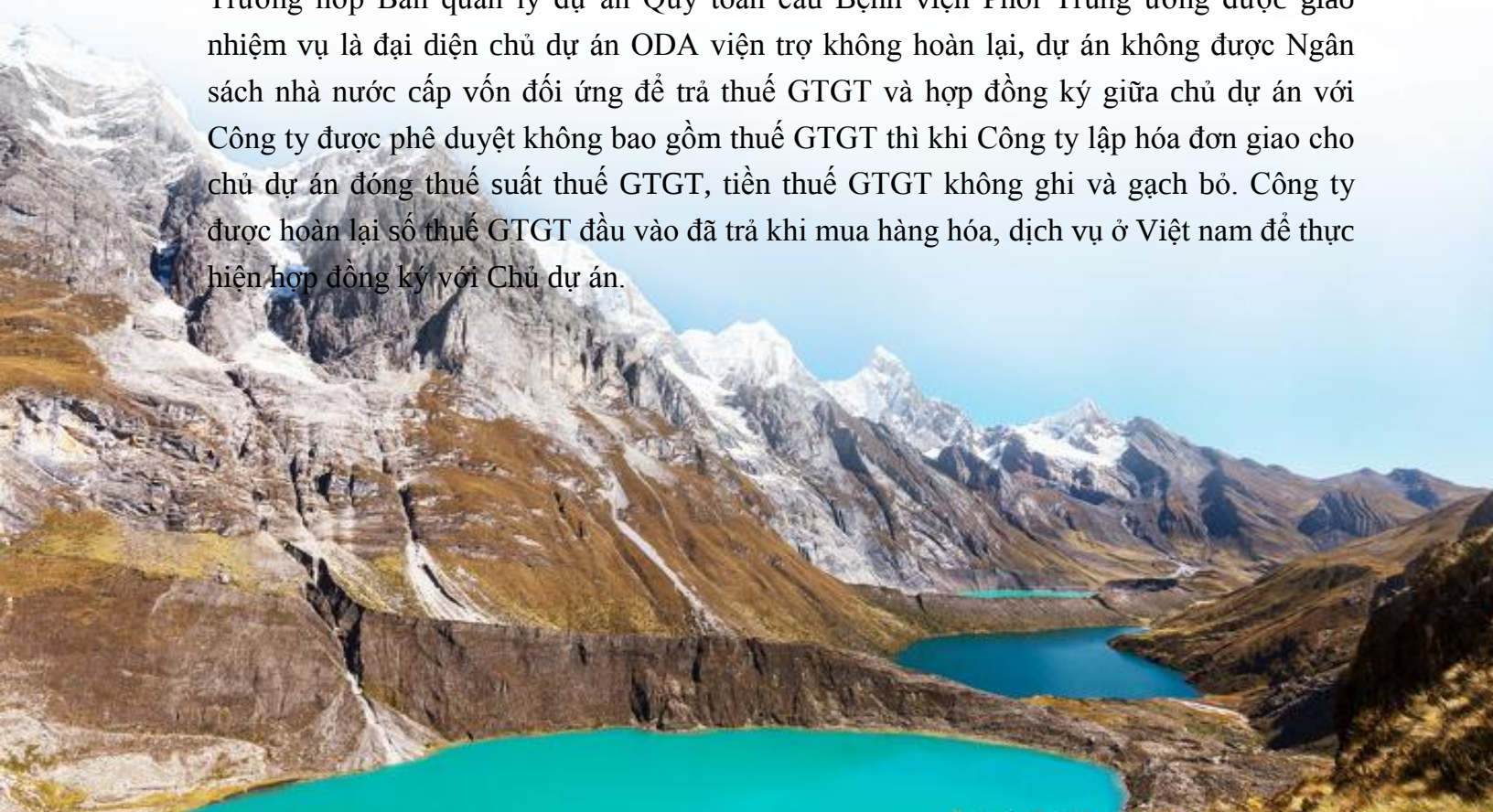
Đối với nội dung xác định nghĩa vụ tài chính về đất theo Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND TP Hà Nội: Cục Thuế TP Hà Nội đã có Phiếu chuyển hồ sơ số 37204/PC-CT-QLĐ ngày 23/5/2019 gửi Chi cục Thuế quận Đống Đa. Đề nghị Công ty liên hệ với Chi cục Thuế quận Đống Đa để được hướng dẫn, giải quyết.

Công văn số 57695/CT-TTHT ngày 23/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 2405/BCE-CTHN ngày 24/5/2019 của Công ty TNHH B.C.E Việt nam hỏi về chính sách thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại, Cục thuế TP Hà nội có ý kiến về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài bán cho Ban Quản lý dự án Quỹ toàn cầu Bệnh viện Phổi trung ương (dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo Quyết định số 4920/QĐ-BYT ngày 18/11/2015 của Bộ Y tế) thì Công ty lập hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

Trường hợp Ban quản lý dự án Quỹ toàn cầu Bệnh viện Phổi Trung ương được giao nhiệm vụ là đại diện chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, dự án không được Ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT và hợp đồng ký giữa chủ dự án với Công ty được phê duyệt không bao gồm thuế GTGT thì khi Công ty lập hóa đơn giao cho chủ dự án đóng thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT không ghi và gạch bỏ. Công ty được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ ở Việt nam để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án.



Trường hợp Công ty ký hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ cho chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, chủ dự án được Ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Công ty phải lập hóa đơn, tính thuế GTGT theo quy định. Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 và Điều 1 Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016

Công văn số 57689/CT-TTHT ngày 23/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn không số ngày 09/07/2019 của Imamura International Việt nam về việc đề nghị được sử dụng hóa đơn điện tử khi đang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế, Cục TP Hà nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ về hiệu lực thi hành quy định.
- Căn cứ tại Khoản 2 Điều 4 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về khởi tạo phát hành, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ tại Khoản 1 Điều 11; tại điểm b Khoản 2 Điều 12; tại điểm c Khoản 1 Điều 21 và Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Công ty TNHH Imamura International Việt Nam đã sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế từ tháng 12/2017 (đến nay hết thời hạn 12 tháng). Trường hợp Công ty đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng đề nghị Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ tài chính.

Công ty phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số

39/2014/TT-BTC nêu trên. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc khởi tạo, lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

Công văn số 57619/CT-TTHT ngày 23/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn tự in.

Trả lời công văn không số của Công ty TNHH Kinh doanh Miễn thuế Lotte Phú Khánh – Chi nhánh Hà nội về việc đề nghị sử dụng hóa đơn tự in, Cục thuế TP Hà nội có ý kiến như sau:

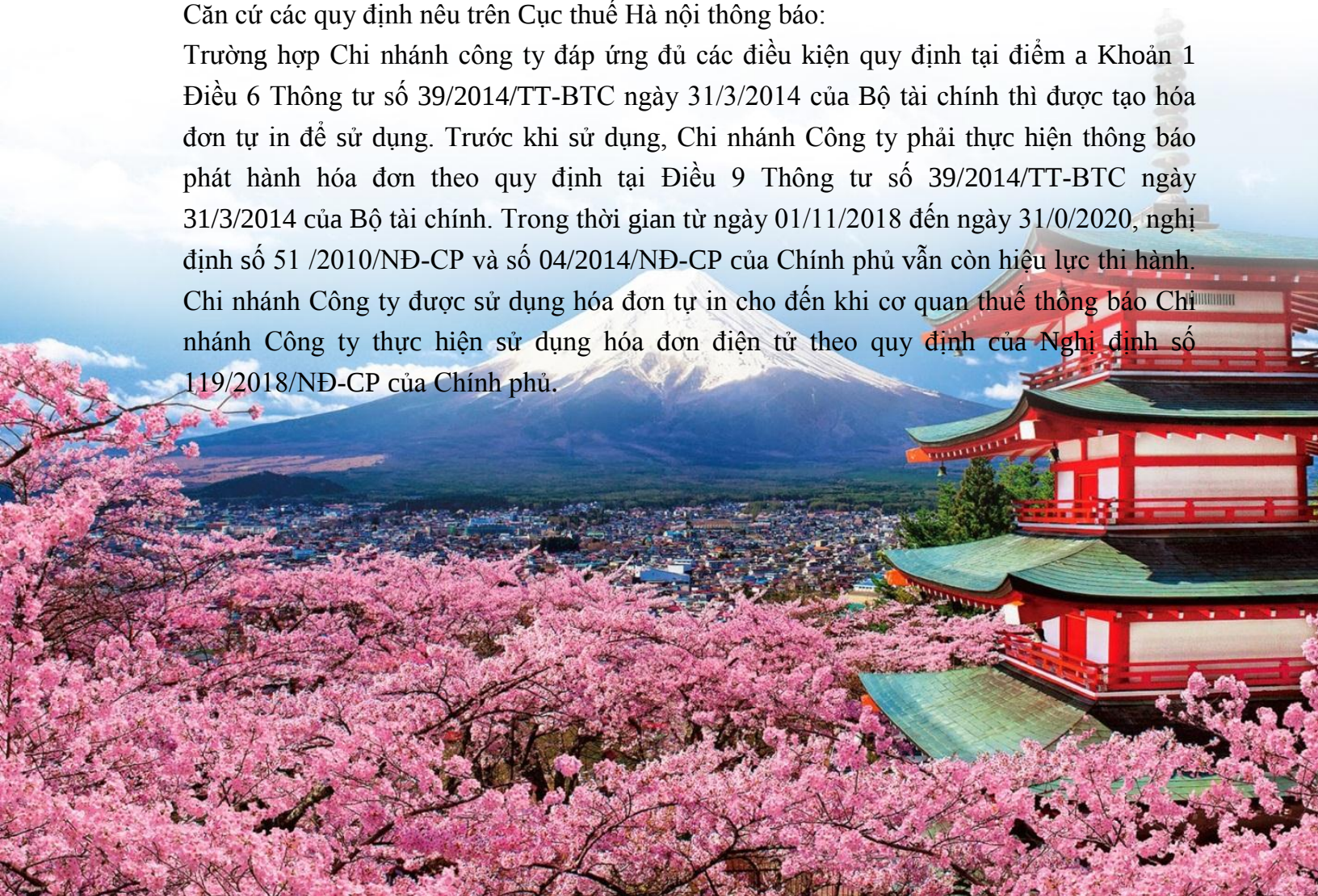
- Căn cứ tại khoản 1, khoản 3 Điều 53 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

-Căn cứ tại điểm a Khoản 2 Điều 5 và tại điểm a Khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định.

Căn cứ các quy định nêu trên Cục thuế Hà nội thông báo:

Trường hợp Chi nhánh công ty đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ tài chính thì được tạo hóa đơn tự in để sử dụng. Trước khi sử dụng, Chi nhánh Công ty phải thực hiện thông báo phát hành hóa đơn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ tài chính. Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/0/2020, nghị định số 51 /2010/NĐ-CP và số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Chi nhánh Công ty được sử dụng hóa đơn tự in cho đến khi cơ quan thuế thông báo Chi nhánh Công ty thực hiện sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP của Chính phủ.



Công văn số 58412/CT-TTHT ngày 25/07/2019 của Cục thuế TP Hà Nội về việc xử lý hóa đơn đã lập.

Trả lời công văn số 03/CV-CBRE/HN ngày 09/05/2019 của Chi nhánh Công ty TNHH CBRE (Việt Nam) tại thành phố Hà nội hỏi về chính sách thuế, Cục thuế TP Hà nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ tại tiết a Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

-Căn cứ tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp vào thời điểm tháng 09/2017 và tháng 01/2018, Chi nhánh đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ tư vấn giới thiệu khách thuê văn phòng cho khách hàng theo đúng hợp đồng đã ký giữa hai bên và Chi nhánh (Bên bán) đã lập hóa đơn đúng thời điểm, kê khai, nộp thuế GTGT cho 02 hóa đơn theo đúng quy định, nếu Bên mua chưa kê khai 02 hóa đơn nói trên thì được kê khai bổ sung vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra có tăng, giảm số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ thì người nộp thuế được khai điều chỉnh nhưng bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp bị cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC nêu trên.

Nội dung thỏa thuận và giải quyết khiếu nại trong thực hiện hợp đồng dịch vụ đã ký giữa hai bên là quan hệ dân sự không thuộc thẩm quyền xử lý của Cục Thuế TP Hà nội, đề nghị Chi nhánh nghiên cứu các quy định của Luật dân sự và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết.

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

Cách xác định thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu để tính thuế.

Trong thời gian gần đây, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được nhiều vướng mắc qua thư điện tử cũng như qua công văn hỏi về thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu là thời điểm lập hóa đơn GTGT hay thời điểm hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai xuất khẩu?

Trong đó điển hình là tình huống dưới đây:

Doanh nghiệp A là công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài. Ngày 30/03/2019, doanh nghiệp A xuất lô hàng cho doanh nghiệp chế xuất và lập hóa đơn GTGT cho lô hàng trên vào ngày 30/03/2019. Tuy nhiên, thủ tục hải quan được hoàn tất và thông quan vào ngày 05/04/2019. Vậy thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu và thời điểm kê khai thuế trên tờ khai thuế GTGT của lô hàng trên là tháng 3/2019 hay tháng 04/2019?

Đối với vướng mắc trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Theo quy định pháp luật hiện hành về thuế GTGT thì thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Đối với hàng hóa xuất khẩu, thời điểm xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

Theo đó, đối với vướng mắc của doanh nghiệp A tại ví dụ nêu trên thì thời điểm kê khai thuế GTGT và thời điểm xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là thời điểm hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan; cụ thể là tháng 04/2019 (trường hợp khai thuế GTGT theo tháng) và quý 02/2019 (trường hợp kê khai thuế GTGT theo quý).

(Các nội dung hướng dẫn nêu trên được quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Thông tư số 119/2014/TT-BTC).

Thuế GTGT đối với hoạt động tặng quà cho khách hàng.

Trong nền kinh tế cạnh tranh đầy khốc liệt, các doanh nghiệp thường sử dụng hình thức tặng quà cho khách hàng khi thực hiện chiến lược kinh doanh. Đây được coi là một công cụ marketing hiệu quả, vừa có tác dụng quảng cáo, vừa giúp tăng tính cạnh tranh và thu hút khách hàng. Mặc dù hình thức tặng quà cho khách hàng đang ngày càng trở nên phổ biến, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng biết cách ghi nhận khoản thuế GTGT đối với hoạt động này.

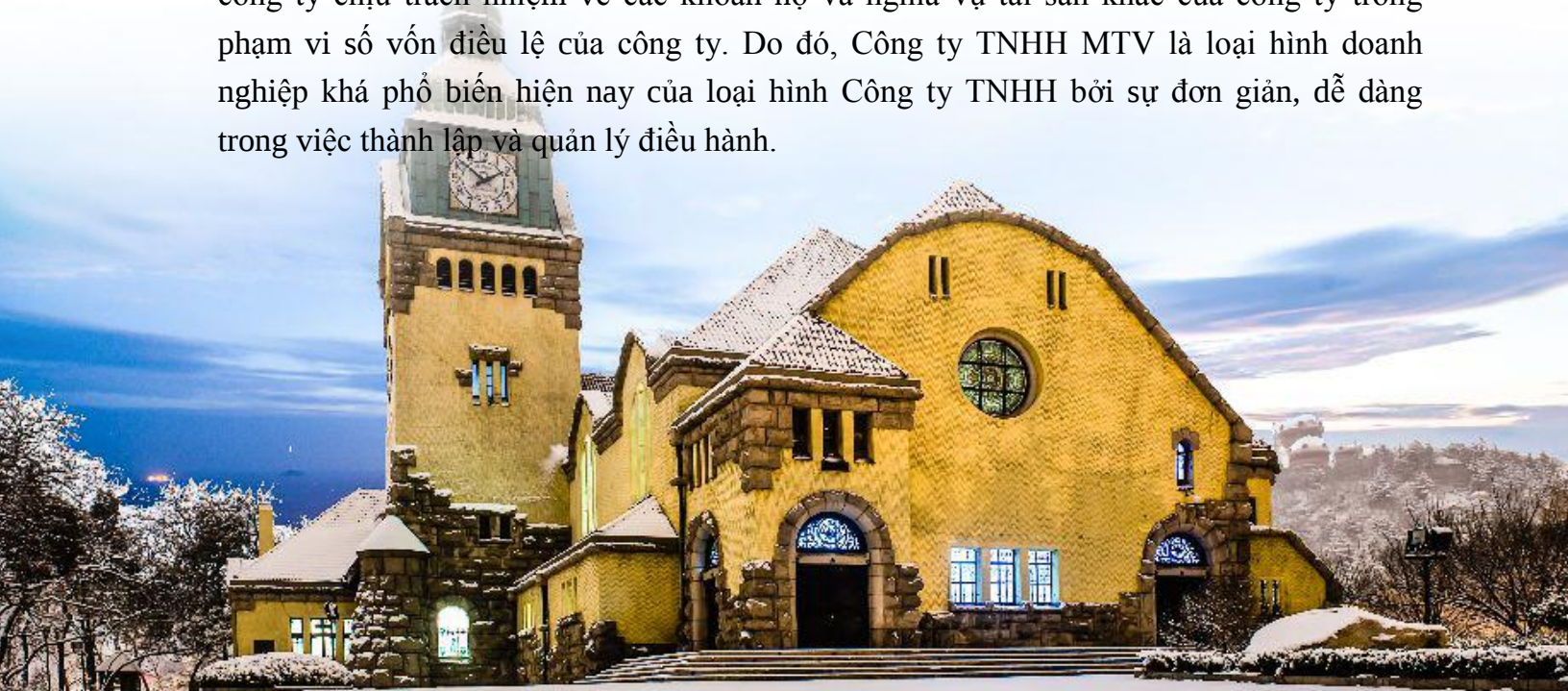
Trường hợp giả sử, Công ty TNHH A có ký hợp đồng cung cấp bản in cho đơn vị hoạt động trong ngành tại Hà Nội, loại bản in này họ chưa từng sử dụng và chạy tốt trên máy hiện bản cũng do Công ty TNHH A phân phối trên thị trường. Để khuyến khích khách hàng đổi mới công nghệ, Công ty TNHH A cam kết tặng cho khách hàng 01 máy hiện bản với điều kiện khách hàng sẽ mua bản in của công ty với giá đã quy định trong hợp đồng tối thiểu 3 năm. Vậy Công ty TNHH A có phải lập hóa đơn GTGT trong trường hợp này không?

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Theo các quy định nêu trên thì trường hợp doanh nghiệp có hoạt động tặng quà cho khách hàng để khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm thì doanh nghiệp phải lập hóa đơn tính thuế GTGT theo quy định, giá tính thuế là giá tính thuế GTGT của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động tặng quà.

Chính sách thuế TNCN, TNDN đối với khoản tiền lương trả cho giám đốc Công ty TNHH MTV.

Công ty TNHH MTV là do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Do đó, Công ty TNHH MTV là loại hình doanh nghiệp khá phổ biến hiện nay của loại hình Công ty TNHH bởi sự đơn giản, dễ dàng trong việc thành lập và quản lý điều hành.



Tuy nhiên, việc chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu cũng dẫn đến sự bối rối của các nhân viên kế toán trong xác định tiền lương trả cho giám đốc Công ty TNHH MTV có tính thuế TNCN và Công ty có được tính vào chi phí được trừ với khoản tiền lương đã trả cho giám đốc khi tính thuế TNDN.

Như trường hợp ông X là chủ sở hữu của Công ty kiêm Tổng giám đốc. Theo hợp đồng lao động ông ký với Công ty, ông X được trả tiền lương, tiền thưởng và các khoản lợi ích như tiền thuê nhà, tiền điện nước hàng tháng... Công ty chỉ trả cho ông X các khoản nêu trên từ nguồn lợi nhuận của Công ty sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước. Vậy các khoản tiền lương, thưởng, các khoản lợi ích nêu trên công ty có được xác định chi phí được trừ hay không và Công ty có phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của ông X các khoản tiền nêu trên?

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính thì khoản tiền lương, tiền công của chủ sở hữu (giám đốc) công ty TNHH một thành viên nhận được không chịu thuế TNCN, Công ty không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản tiền này.

Từ ngày 01/01/2015, các khoản lợi ích của chủ công ty TNHH một thành viên được chi trả từ lợi nhuận sau khi đã nộp thuế TNDN thì không phải nộp thuế TNCN.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Nghị định số:38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.

Ngày 09 tháng 05 năm 2019 Chính phủ ban hành nghị định số 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Theo đó, từ ngày 01/7/2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng, tăng 100.000 đồng/tháng so với quy định hiện hành.

Mức lương cơ sở mới này sẽ dùng làm căn cứ:

- Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ;
- Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;
- Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét điều chỉnh mức lương cơ sở phù hợp khả năng ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Nghị định 38/2019/NĐ-CP sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2019 và thay thế Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Nghị định số:39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP Về tổ chức và hoạt động của quỹ Phát Triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, Quỹ sẽ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn trực tiếp khi đáp ứng 4 điều kiện:

- Đáp ứng quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, khai thác các loại tài sản trí tuệ hoặc công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới theo các quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện;
- Đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Nghị định này.

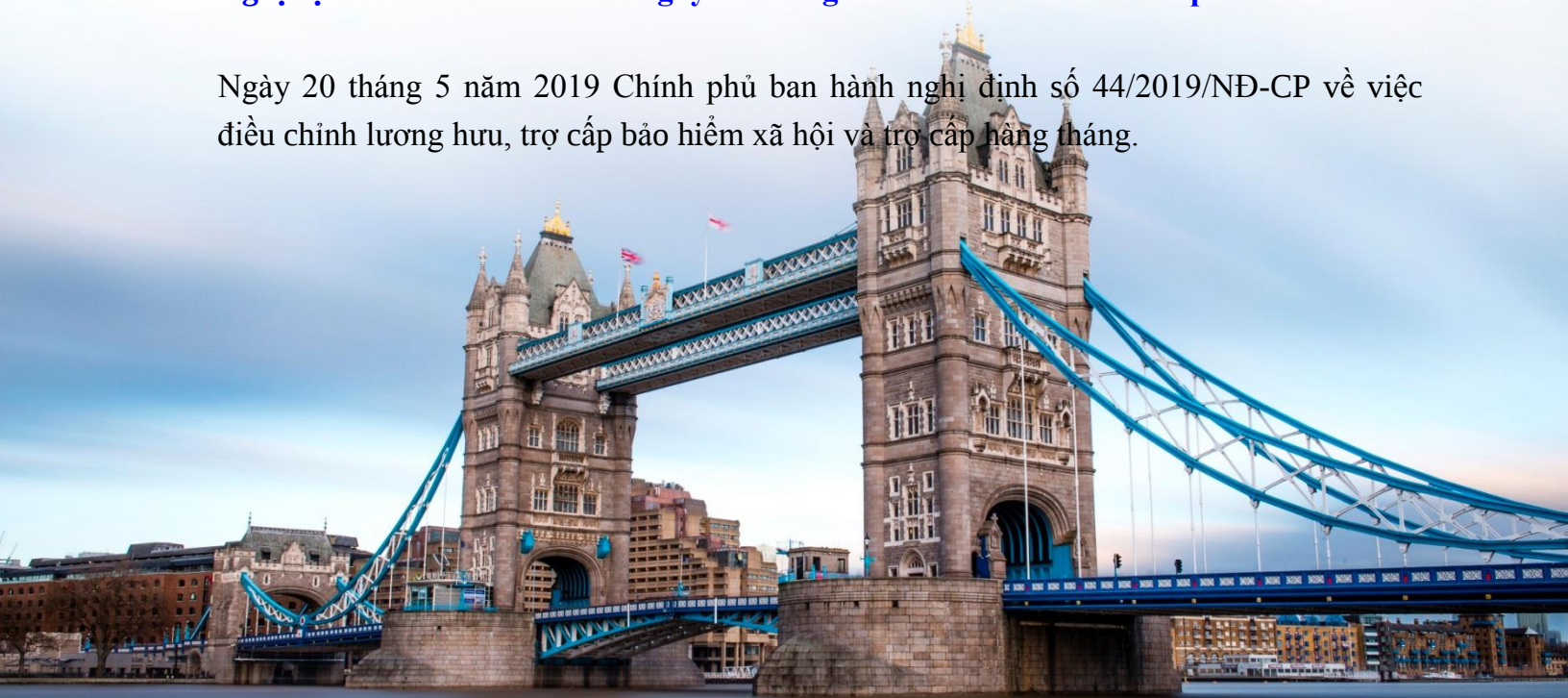
Doanh nghiệp được vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối đa không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án.

Mức lãi suất cho vay trực tiếp đối với doanh nghiệp bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại.

Nghị định 39/2019/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/7/2019.

Nghị định số:44/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 Chính phủ ban hành nghị định số 44/2019/NĐ-CP về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.



Theo đó, từ ngày 01/7/2019, tăng thêm 7,19% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2019 đối với các đối tượng sau:

- Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, người lao động, quân nhân, CAND và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng.
 - Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng.
 - Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP đang hưởng lương hưu và trợ cấp hàng tháng.
 - Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định 38/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng.
 - CAND đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010.
 - Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
 - Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 130/CP ngày 20/6/1975 và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981.
 - Quân nhân, CAND, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với Quân nhân, CAND đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.
- Nghị định 44/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2019.

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 8/2019		
Tên Văn Bản		Ngày
STT	NGHỊ ĐỊNH	
1	Nghị định 45/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	BH: 21/05/2019 HL: 01/08/2019
2	Nghị định 46/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao	BH: 27/05/2019 HL: 01/08/2019
3	Nghị định 48/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản	BH: 05/06/2019

	lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	HL: 15/08/2019
4	Nghị định 51/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ	BH: 13/06/2019 HL: 01/08/2019
5	Nghị định 52/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá	BH: 14/06/2019 HL: 01/08/2019
6	Nghị định 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	BH: 24/06/2019 HL: 16/08/2019
7	Nghị định 58/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng	BH: 01/07/2019 HL: 15/08/2019
8	Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng	BH: 01/07/2019 HL: 15/08/2019
9	Nghị định 61/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cảnh sát biển Việt Nam	BH: 10/07/2019 HL: 28/08/2019
THÔNG TƯ		
1	Thông tư 35/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư 116/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam	BH: 12/06/2019 HL: 01/08/2019
2	Thông tư 38/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2020-2022; kế	BH: 28/06/2019 HL: 12/08/2019

	hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025	
3	Thông tư 09/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/7/2019 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng	BH: 14/06/2019 HL: 01/08/2019
4	Thông tư 22/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng	BH: 12/06/2019 HL: 01/08/2019
5	Thông tư 10/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 8 Điều 1 Nghị định 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ	BH: 28/06/2019 HL: 15/08/2019
6	Thông tư 36/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán	BH: 17/06/2019 HL: 01/08/2019
7	Thông tư 08/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	BH: 31/05/2019 HL: 01/08/2019
8	Thông tư 09/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thẩm định điều kiện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng và một số trường hợp thanh toán trực tiếp chi phí trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	BH: 10/06/2019 HL: 01/08/2019

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

